

Số: 101 /BC-STP

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 5 năm 2019

## **BÁO CÁO**

### **Kết quả thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

---

Ngày 15/5/2019, Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 633/SKH-ĐKKD ngày 14/5/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Căn cứ Điều 115 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Giám đốc Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 87/QĐ-STP ngày 16/5/2019 Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (*viết tắt là Hội đồng tư vấn thẩm định*), do Phó Giám đốc Sở Tư pháp là Chủ tịch Hội đồng; Các thành viên Hội đồng gồm đại diện các đơn vị: Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hội Luật gia tỉnh; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; các Sở: Tài chính; Thông tin và Truyền thông; Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ; Giao thông vận tải; Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục Thuế tỉnh; Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Trung tâm xúc tiến đầu tư tỉnh và Chuyên viên phòng Xây dựng và Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Sở Tư pháp.

Ngày 17/5/2019, Hội đồng tư vấn thẩm định đã họp và cho ý kiến thẩm định đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết. Trên cơ sở kết quả cuộc họp Hội đồng tư vấn thẩm định và kết quả nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

#### **I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN**

- Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
- Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày 12/6/2017;

- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sau đây viết tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*).

## **II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

### **1. Sự cần thiết ban hành chính sách**

Tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 25 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy định:

*“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:*

*a) Thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11, khoản 4 Điều 18 của Luật này;*

*b) Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.*

Thực hiện quy định nêu trên, thì việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để đảm bảo thực hiện sự phân cấp của Quốc hội là cần thiết.

**2. Sự phù hợp của nội dung chính sách với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật và tính khả thi, tính dự báo của nội dung chính sách, các giải pháp và điều kiện bảo đảm thực hiện chính sách dự kiến trong đề nghị xây dựng nghị quyết**

#### **2.1. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết**

##### ***a) Phạm vi điều chỉnh***

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết quy định: *“Nghị quyết quy định về nguyên tắc, nội dung, nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.*

Phạm vi điều chỉnh nêu trên chưa đầy đủ; hơn nữa việc giới hạn phạm vi điều chỉnh về thời gian là *“...đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”* là không hợp lý, vì nếu dự thảo Nghị quyết này được HĐND tỉnh thông qua năm 2019 thì thời gian thực hiện *“đến năm 2020”* rất ngắn và nội dung toàn bộ đề xuất Nghị quyết không thể thực hiện được chính sách *“định hướng đến năm 2030”*. Hơn

nữa, Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa giao/phân cấp cho HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và không giới hạn về thời gian thực hiện chính sách. Chính vì vậy, đề nghị điều chỉnh phạm vi điều chỉnh, tên gọi của dự thảo Nghị quyết và các nội dung liên quan cho phù hợp.

***b) Đối tượng áp dụng***

Đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết quy định:

*“Đối tượng áp dụng:*

*a) Doanh nghiệp đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật.*

*b) Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.*

*c) Cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.*

Đối tượng điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết nêu trên chưa đầy đủ, đề nghị bổ sung: *“Tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh; Hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp nhỏ và vừa”.*

**2.2. Nội dung chính sách**

*a) Nhiều chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết trùng với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và một số chính sách không phù hợp với quy định tại Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, cụ thể:*

*- Chính sách 1: Nhóm hỗ trợ chung cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa:*

*+ Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng (Khoản 2.1.4. Mục IV dự thảo Tờ trình), trùng với chính sách hỗ trợ tiếp cận tín dụng tại Điều 8 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời tại khoản 1 Điều 8 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định việc quyết định chính sách hỗ trợ tín dụng thuộc thẩm quyền của Chính phủ: “Trong từng thời kỳ, Chính phủ quyết định chính sách hỗ trợ tổ chức tín dụng tăng dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; khuyến khích tổ chức tín dụng cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa dựa trên xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp và biện pháp phù hợp khác; khuyến khích thành lập tổ chức tư vấn độc lập để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp nhỏ và vừa”.*

+ Chính sách hỗ trợ về thuế, kế toán (*Gạch đầu dòng (-) thứ nhất, thứ 2 Khoản 2.1.6. Mục IV dự thảo Tờ trình*) trùng với chính sách hỗ trợ thuế, kế toán tại Điều 10 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Chính sách 2: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh:

+ Chính sách hỗ trợ miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp lần đầu trong trường hợp doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh (*Gạch đầu dòng thứ ba khoản 2.2.1 Mục IV dự thảo Tờ trình*) trùng với chính sách hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, công bố thông tin doanh nghiệp tại Điều 16 Nghị định 39/2018/NĐ-CP.

+ Chính sách hỗ trợ thủ tục hành chính về thuế và kế toán (*Khoản 2.2.2 Mục IV dự thảo Tờ trình*) trùng với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh tại Điều 16 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Điều 19 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP.

- Chính sách 3: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và Chính sách 4: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị:

Một số nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị tại Nghị quyết trùng với chính sách hỗ trợ tại Điều 21 và Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP và quy định giá trị tối đa hỗ trợ hoặc mức hỗ trợ thấp hơn mức hỗ trợ tại Điều 21 và Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, trong khi đó Nghị định số 39/2018/NĐ-CP không phân cấp cho HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể tại địa phương về các nội dung này, cụ thể:

+ Gạch đầu dòng thứ nhất, thứ ba điểm b, gạch đầu dòng thứ nhất điểm b, gạch đầu dòng thứ nhất, thứ hai, thứ tư điểm c, gạch đầu dòng thứ hai điểm d khoản 2.3.2; điểm c, d khoản 2.4.2 Mục IV dự thảo Tờ trình quy định các chính sách hỗ trợ trùng với chính sách hỗ trợ tại điểm a, đ khoản 2, điểm a, b, d khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 21; điểm c khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 24 Nghị định 39/2018/NĐ-CP.

+ Gạch đầu dòng thứ 2 điểm b, gạch đầu dòng thứ 3 điểm c, gạch đầu dòng thứ nhất điểm d khoản 2.3.2 Mục IV dự thảo Tờ trình quy định giá trị tối đa hỗ trợ, nhưng Nghị định số 39/2018/NĐ-CP không phân cấp cho HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể tại địa phương về các nội dung này.

+ Điểm a khoản 2.4.2 Mục IV dự thảo Tờ trình quy định mức hỗ trợ chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất

chuyên biệt tại hiện trường không quá 20 triệu đồng/01 khóa đào tạo/01 doanh nghiệp thấp hơn mức hỗ trợ nội dung này tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP (30 triệu đồng/01 khóa đào tạo/01 doanh nghiệp).

**b)** Điểm c khoản 1 Điều 27 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP quy định:

*“Trách nhiệm của cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*

*1. Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đảm bảo nguyên tắc:*

*Căn cứ nguồn lực hỗ trợ và đặc thù của ngành, lĩnh vực, xác định giá trị hỗ trợ tối đa đối với các nội dung hỗ trợ 100% của các hợp đồng tư vấn quy định tại Điều 21, Điều 24 Nghị định này”.*

Theo đó, địa phương được phân cấp xác định giá trị tối đa đối với 11 nội dung hỗ trợ 100% hợp đồng tư vấn tại điểm a, b, c, d khoản 1, điểm b, d khoản 2 Điều 21 và điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b, d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP, tuy nhiên dự thảo Tờ trình mới đề cập và xác định giá trị tối đa hỗ trợ đối với 04/11 nội dung hỗ trợ 100% hợp đồng tư vấn tại gạch đầu dòng thứ nhất, thứ 2 điểm a khoản 2.3.2 và gạch đầu dòng thứ nhất, hai điểm b khoản 2.4.2 Mục IV dự thảo Tờ trình, đề nghị nghiên cứu, bổ sung.

**c)** Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa mặt bằng sản xuất kinh doanh (Mục 2.1.5 Mục IV dự thảo Tờ trình) quy định: *“Thực hiện bố trí quỹ đất trong các cụm công nghiệp, khu công nghiệp cho các dự án chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, thủy hải sản của doanh nghiệp nhỏ và vừa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt”,* đề nghị bỏ cụm từ *“thủy hải sản”*, vì tỉnh Tuyên Quang không có biển và xa các tỉnh tiếp giáp với biển, nên quy định đối với dự án chế biến hải sản là không khả thi.

Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 11 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa còn quy định HĐND tỉnh quyết định hỗ trợ giá thuê mặt bằng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh nhưng dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết chưa đề cập đến nội dung này, đề nghị xem xét, bổ sung.

### **2.3. Về nguồn kinh phí thực hiện**

Khoản 1 Mục VI dự thảo Tờ trình quy định: *“Nguồn lực thực hiện: Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết”,* nhưng chưa cụ thể nội dung nào do ngân sách Trung ương đảm bảo, nội dung nào do ngân sách địa phương đảm bảo, chưa chi tiết cơ cấu nguồn vốn của ngân sách địa phương thực hiện dự thảo Nghị quyết (từ nguồn chi thường xuyên,

*nguồn chi đầu tư phân cấp cho địa phương, nguồn kinh phí huy động từ khu vực tư nhân, tổ chức, cá nhân, hiệp hội liên quan...).*

### **3. Về hồ sơ lập đề nghị xây dựng nghị quyết**

Đề nghị xây dựng Nghị quyết đưa ra 04 nhóm chính sách, trong mỗi nhóm bao gồm các chính sách cụ thể, nhưng Báo cáo đánh giá tác động chính sách trong hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết chưa thực hiện đánh giá tác động đối với từng chính sách cụ thể mà đánh giá chung đối với mỗi nhóm chính sách; một số nội dung đánh giá tác động tiêu cực là không có (*Phần Tác động về xã hội khoản 2 Mục II Báo cáo đánh giá tác động; Phần tác động đối với hệ thống pháp luật khoản 3, 4 Mục II Báo cáo đánh giá tác động*) là chưa chính xác; đa số các chính sách được đánh giá tác động mang tính định tính, chưa có tính định lượng, chưa đảm bảo toàn diện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết chưa đề cập đến thủ tục hành chính thực hiện chính sách trong dự thảo Nghị quyết, chưa đánh giá thủ tục hành chính của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

### **III. KẾT LUẬN**

Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ nội dung thẩm định tại Mục II Báo cáo này, thực hiện rà soát các nội dung chính sách, dự thảo Nghị quyết cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với phân cấp theo quy định, lưu ý: Không đề nghị xây dựng những chính sách đã được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật cấp trên, những chính sách không thuộc thẩm quyền của tỉnh; thực hiện đánh giá tác động đối với từng chính sách cụ thể theo quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (Báo cáo);
  - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
  - Trang thông tin điện tử STP;
  - Lưu: VT, XD&KTVB.
- (Lan.03b).

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thược**